

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 05 - 7 - 2024

V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim O**, sinh năm 1997; HKTT: **Thôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; Chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình P**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Thôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trần Thị Kim O** trình bày:* Chị **O** và anh **Nguyễn Đình P** tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2018 tại **UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại cùng gia đình bố mẹ chồng ở **thôn D, xã H, huyện K** đến tháng 02/2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị **O** về nhà bố mẹ đẻ ở **Thôn T, xã E** sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh **P** không lo làm ăn, thường chơi bời cờ bạc, rượu chè không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân tháng 02/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để anh **P** thay đổi tính nết, về sống chung cùng chăm sóc con cái nhưng không được. Hiện nay chị **O** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị O yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đình P.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình An K, sinh ngày 13/10/2018. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị O là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, nguyện vọng của chị O sau khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện chị O yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, chị O thấy anh P hiện không có việc làm ổn định. Mặt khác, chị O làm nhân viên bán hàng, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con được tốt. Do đó, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đình P: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua biên bản xác minh ngày 29/5/2024 về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim O và anh Nguyễn Đình P thì Chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị O, anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ở địa phương tại thôn D, xã H, huyện K. Đến tháng 02/2022 thì chị O không còn chung sống với anh P mà về nhà bố mẹ đẻ ở xã E sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không yêu cầu hòa giải tại địa phương nên mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không biết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của Pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim O. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Đình P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình An K, sinh ngày 13/10/2018 cho chị Trần Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim O không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị **Trần Thị Kim O** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh **Nguyễn Đình P** có nơi cư trú tại **huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Nguyễn Đình P** mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Kim O** với anh **Nguyễn Đình P** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện K** vào ngày 19 tháng 7 năm 2018. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh **P** không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **O** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Đối với anh **Nguyễn Đình P** mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy, tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị **Trần Thị Kim O** được ly hôn với anh **Nguyễn Đình P**.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đình An K**, sinh ngày 13/10/2018. Chị **O** có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, HĐXX xét thấy, hiện nay cháu **K** đang sống cùng mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao cháu **K** cho chị **Trần Thị Kim O** nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị **O** đều không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **O** không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị **Trần Thị Kim O** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Trần Thị Kim O**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Kim O** được ly hôn với anh **Nguyễn Đình P**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Đình An K**, sinh ngày 13/10/2018 cho chị **Trần Thị Kim O** trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Đình P** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Trần Thị Kim O** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005706 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam